

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 42/2021/HS-ST  
Ngày: 27-9-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Công.

Ông Nguyễn Văn Thắng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Lập – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với:

***- Bị cáo: Dương Thị Ngọc H***, sinh năm: 1967, tại thành phố H; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Bá L (đã chết) và bà Quách Thị M (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn D (đã chết) và có 03 người con lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995; anh ruột có 01 người sinh năm 1962; Tiền án: 01 (Vào ngày 03-11-2004, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 1.000.000 đồng và buộc bị cáo chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền phạt bổ sung và án phí; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19-3-2021 đến ngày 28-3-2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

***- Bị hại:*** Bà Hứa Thanh N, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: ấp Ch, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có mặt*).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Phan Thị Ngọc Ph, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: số a/b/c, phường d, Quận đ, thành phố H (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 19-3-2021, HM (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) điều khiển xe mô tô chở bị cáo Dương Thị Ngọc H đến khu vực chợ B tọa lạc ấp Ch, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thì HM dừng xe để bị cáo H xuống đi bộ vào chợ. HM điều khiển xe đi vào bên trong chợ để tìm tài sản lấy trộm và nhìn thấy túi xách bằng vải màu xám của bà Hứa Thanh N đang để dưới nền gạch trong cửa hàng điện gia dụng tên “BN”. HM điều khiển xe quay trở ra nói với bị cáo H có túi xách để dưới nền gạch không người trông coi trong một cửa hàng và điều khiển xe mô tô chở bị cáo H đến trước cửa hàng của bà N. HM đậu xe phía trước gần đối diện cửa hàng, còn bị cáo đi vào bên trong cửa hàng lấy trộm túi xách đem ra đưa HM cất giữ. Sau đó, HM điều khiển xe cho bị cáo H ra Quốc lộ 53 về hướng xã B để tẩu thoát. Đi được một đoạn, HM dừng xe lại bên phải hướng đi và cầm theo túi xách bị cáo H vừa trộm được đi vào một con đường nhỏ, bị cáo H đứng bên ngoài đợi. Khoảng 05 phút sau, HM trở ra và nói trộm được mười mấy triệu và nhiều card điện thoại. Lúc này HM lấy tiền vừa trộm được đưa cho bị cáo H 7.000.000 đồng, còn số thẻ card điện thoại HM nói về thành phố H bán chia tiền sau. HM điều khiển xe mô tô đi hướng xã B, còn bị cáo H đi xe honda khách đến khu vực ngã ba BP thuộc ấp NLB, xã BP cập Quốc lộ 53 tìm tài sản để trộm cắp tiếp, nhưng chưa lấy được, thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tiến hành kiểm tra trên người bị cáo H, Cơ quan điều tra tạm giữ 10.065.000 đồng cùng hai điện thoại di động. Trong số tiền này có 7.000.000 đồng là tiền HM chia cho bị cáo H, số tiền 3.065.000 đồng còn lại là tiền cá nhân của bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Thị Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị hại Hứa Thanh N khi phát hiện mất trộm túi xách chứa tiền Việt Nam 34.000.000 đồng và 313 thẻ card điện thoại di động của nhiều nhà mạng nhiều mệnh giá khác nhau, đã đến Công an xã P trình báo sự việc

Ngày 01-5-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C yêu cầu định giá tài sản bị mất trộm 313 thẻ card điện thoại các nhà mạng Viettel, Mobi phone, Vina phone và Vietnam mobile bao gồm các mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng của bà N. Tại bản kết luận định giá số 43/KL-ĐGTS ngày 03-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại 313 thẻ card điện thoại các nhà mạng (Mạng Viettel: 40 card mệnh giá 100.000 đồng, 65 card mệnh giá 50.000 đồng, 90 card mệnh giá 20.000 đồng; Mạng Mobi phone: 14 card mệnh giá 100.000 đồng, 18 card mệnh giá 50.000 đồng, 25 card mệnh giá 20.000 đồng; Mạng Vina phone: 06 card mệnh giá 100.000 đồng, 16 card mệnh giá 50.000 đồng, 30 card mệnh giá 20.000 đồng; Mạng Vietnam mobile: 09 card mệnh giá 50.000 đồng. Tổng giá trị là 14.300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 10.065.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG GALAXY NOTE 5 màu trắng bạc, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353410070288307; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, màu đen, đã qua sử dụng, số seri 1: 354138639172030, số seri 2: 354138639667534; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ e/f, phường g, Quận h, thành phố H, biển số .....; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị Ngọc H, số chứng minh ....., nơi thường trú k/l/m/n/o, TĐ, phường p, Quận q, thành phố H; 01 mũ bảo hiểm, loại mũ lưỡi trai, màu xanh rêu, trên mũ có dòng chữ Monster màu trắng; 01 cái áo khoác, loại áo khoác nữ, màu nâu nhạt.

Ngày 24-5-2021, chị Phan Thị Ngọc Ph là con ruột bị cáo H đã nộp cho Cơ quan điều tra 3.000.000 đồng để khắc phục cho bà Hứa Thanh N, chị Ph không yêu cầu bị cáo trả lại tiền.

Đối với hành vi của HM chỉ chỗ cho bị cáo H đến cửa hàng điện gia dụng “BN” của bà Hứa Thanh N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và là người giữ tài sản sau khi lấy trộm chia cho bị cáo H 7.000.000 đồng. Qua điều tra, xác minh, không xác định được địa chỉ cụ thể của HM, nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục kiểm tra, xác minh, xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT-VKS-HS ngày 13-7-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Dương Thị Ngọc H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội lấy trộm tài sản đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng, bị cáo thống nhất với kết luận định giá ngày 03-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 48.300.000 đồng cho bị hại bà N và xin được nhận lại 02 điện thoại di động, mũ bảo hiểm và áo khoác như đã nêu trên.

Đối với bị hại bà Hứa Thanh N có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản là 48.300.000 đồng; Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Tòa án xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không ý kiến, không yêu cầu gì, xác định vẫn giữ nguyên các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Dương Thị Ngọc H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, căn cứ vào Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố trong Bản cáo trạng về khung hình phạt đối với bị cáo, chuyển truy tố từ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự sang truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có nhân thân xấu, tái phạm; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có tác động gia đình khắc

phục bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng. Nên Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc H từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 19-3-2021. Về trách nhiệm dân sự: Vị Kiểm sát viên đề nghị giải quyết buộc bị cáo bồi thường số tiền 48.300.000 đồng cho bị hại (Được trừ vào số tiền 13.065.000 đồng và trị giá 02 điện thoại di động là vật chứng đã nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện đang quản lý, số tiền còn lại buộc bị cáo phải nộp tiếp). Về xử lý vật chứng: Vị Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục quản lý số tiền 13.065.000 đồng và 02 điện thoại di động (đã nêu trên) để đảm bảo thi hành án; Tịch thu và tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ e/f, phường g, Quận h, thành phố H, biển số .....; Trả lại cho bị cáo Hoa gồm 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị Ngọc H, số chứng minh ....., nơi thường trú k/l/m/n/o, TĐ, phường p, Quận q, thành phố H; 01 mũ bảo hiểm, loại mũ lưỡi trai, màu xanh rêu, trên mũ có dòng chữ Monster màu trắng; 01 cái áo khoác, loại áo khoác nữ, màu nâu nhạt. Ngoài ra, Vị đề nghị buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày, bị cáo thống nhất Viện kiểm sát nhân dân huyện chuyển truy tố tội bị cáo sang khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Thị Ngọc H trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi của mình; Bị cáo xin lỗi bị hại; Bị cáo cam kết đây là lần phạm tội sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung thêm tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ph theo luật định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-ĐGTS ngày 03-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Ngọc H khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 20 phút, ngày 19-3-2021 bị cáo đã vào cửa hàng điện gia dụng “BN” của bà Hứa Thanh N lén lút lấy trộm một túi xách bằng vải màu xám có chứa tiền Việt Nam 34.000.000 đồng và 313 thẻ card điện thoại các nhà mạng Viettel, Mobi phone, Vina phone và Vietnam mobile với nhiều mệnh giá khác nhau có giá trị bằng 14.300.000 đồng, tổng số tiền bị cáo lấy trộm của bà N là 48.300.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ.

[4] Xét thấy Bản cáo trạng số 46/CT-VKS-HS ngày 13-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Dương Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” và tại phiên tòa qua kết quả tranh tụng rút một phần chuyển sang truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định tại Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, không oan, không sai đối với bị cáo.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, tài sản của công dân bao gồm tiền, vật có giá trị bằng tiền, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng,... phải do quá trình lao động vất vả tạo lập mới có được. Bị cáo là người có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo thu nhập chính đáng phục vụ nhu cầu sống bản thân và gia đình, muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động, nên bị cáo cố ý lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản. Cụ thể vào ngày 19-3-2021 đã lấy trộm túi xách chứa tiền và 313 thẻ card điện thoại nhiều nhà mạng trị giá 14.300.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bị hại là 48.300.000 đồng.

[6] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng đã gây thiệt hại về tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo dù nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án nhiều nơi xét xử về các tội phạm (Trộm cắp tài sản; Đánh bạc; Cướp giật tài sản; Trốn khỏi nơi giam), dù đã nhiều lần chịu sự chế tài của pháp luật, nhưng sau khi chấp hành án phạt tù xong bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật của bị cáo, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời gây hoang mang, lo sợ trong Nhân dân. Thời gian gần đây nạn trộm cắp trên địa bàn

tỉnh Trà Vinh, đặc biệt tại huyện C xảy ra liên tục tại các xã, khu vực nông thôn, gây bức xúc trong Nhân dân. Để góp phần ổn định trật tự địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án; Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và đề răn đe, phòng ngừa chung cho mọi người.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét: Bị cáo sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; có tác động người thân nộp số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 48.300.000 đồng.

[9] Về vật chứng của vụ án là:

Đối với số tiền Việt Nam 13.065.000 đồng, trong này có 3.000.000 đồng do bị cáo khắc phục thiệt hại cho bị hại; 7.000.000 đồng tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, nên trả lại cho bị hại; còn lại số tiền 3.065.000 đồng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền 3.000.000 đồng này để đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường dân sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG GALAXY NOTE 5 màu trắng bạc, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353410070288307; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, màu đen, đã qua sử dụng, số seri 1: 354138639172030, số seri 2: 354138639667534, là các tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý hai điện thoại này để đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường dân sự.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ e/f, phường g, Quận h, thành phố H, biển số ....., là giấy giả mạo, nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị Ngọc H, số chứng minh ....., nơi thường trú k/l/m/n/o, TĐ, phường p, Quận q, thành phố H; 01 mũ bảo hiểm, loại mũ lưỡi trai, màu xanh rêu, trên mũ có dòng chữ Monster màu trắng; 01 cái áo khoác, loại áo khoác nữ, màu nâu nhạt, là các tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo có yêu cầu nhận lại, nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Dương Thị Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với hành vi của HM như đã nêu, do chưa xác định được địa chỉ cụ thể của HM, nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục kiểm tra, xác minh, xử lý sau.

[12] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc Ph là con ruột bị cáo H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, nên không xem xét.

[13] Từ những nhận định trên, đối với quan điểm luận tội và ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 292, 299, 319 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 19-3-2021.

**2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Dương Thị Ngọc H phải bồi thường số tiền 48.300.000 đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) cho bị hại bà Hứa Thanh N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục quản lý số tiền Việt Nam 13.065.000 đ (Mười ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG GALAXY NOTE 5 màu trắng bạc, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353410070288307 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, màu đen, đã qua sử dụng, số seri 1: 354138639172030, số seri 2: 354138639667534, để đảm bảo thi hành án về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ e/f, phường g, Quận h, thành phố H, biển số .....

Trả lại cho bị cáo Dương Thị Ngọc H: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị Ngọc H, số chứng minh ....., nơi thường trú k/l/m/n/o, TĐ, phường p, Quận q, thành phố H; 01 (Một) mũ bảo hiểm, loại mũ lưỡi trai, màu

xanh rêu, trên mũ có dòng chữ Monster màu trắng; 01 (Một) cái áo khoác, loại áo khoác nữ, màu nâu nhạt.

*(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Thị Ngọc H nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.762.000 đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thảo**